TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 369/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 03 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Thanh Bạch

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Hồng Phương

2. Bà Lê Thị Kim Hạnh

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Kim Hoài – Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1088/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2018/QĐXX-ST ngày 07 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị Thu H, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: đường Đ, phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Minh N, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: đường Đ, phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp đến Tòa án ngày 25/7/2017 cùng các lời trình bày trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Chị Thạch Thị Thu H trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là Anh Trần Minh N tự nguyện chung sống với nhau năm 1999, có đăng ký kết hôn, có 01 con chung. Do cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 2.000.000

đồng/tháng; về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Phía bị đơn là Anh Trần Minh N đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến Tòa án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà mở lần thứ hai, tất cả những người tham gia tố tụng đều vắng mặt. Nguyên đơn có đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc giải quyết vụ án dân sự nêu trên của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp với qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, bị đơn có nơi cư trú tại quận Gò Vấp nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (viết tắt là BLTTDS) Tòa án nhân dân quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ đến Tòa tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào các ngày 02/11/2017, 30/11/2017; phiên tòa xét xử vào các ngày 07/3/2018 và 30/3/2018 nhưng đều vắng mặt; nguyên đơn có yêu cầu được vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của BLTTDS 2015 xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo Giấy chứng nhận kết hôn số 00067 quyển số 01/2003 đăng ký ngày 05/6/2003 do UBND Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Theo nguyên đơn trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do có mâu thuẫn về kinh tế, từ năm 2011 vợ chồng đã không còn chung sống vì không hợp nhau về tính tình. Phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Toà để tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ nhưng không đến và cũng không cho biết ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên

đơn. Điều này chứng tỏ bị đơn đã không còn mong muốn hàn gắn tình cảm gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn xác định mâu thuẫn vợ chồng của nguyên đơn và bị đơn đã phát sinh từ lâu, không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[5] Về con chung: căn cứ Giấy khai sinh số 256 quyển số 02/2005 đăng ký ngày 15/11/2005 của UBND Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn có con chung là Trần Minh T (sinh ngày 31/10/2005). Nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên, phía bị đơn không có ý kiến, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con, theo nguyên đơn trình bày chi phí nuôi con hàng tháng là 4.000.000 đồng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn mỗi tháng cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ về mức thu nhập hàng tháng của bị đơn, tuy nhiên, theo kết quả trả lời của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D, là nơi bị đơn đang làm việc, thì bị đơn đã yêu cầu Công ty không được cung cấp bất cứ thông tin nào về thu nhập của bị đơn cho Tòa án với lý do thuộc về quan hệ cá nhân. Điều này chứng tỏ không những bị đơn cố tình gây khó khăn cho Hội đồng xét xử trong việc xem xét để đưa ra phán quyết đúng đắn về mức cấp dưỡng nuôi con mà Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D cũng góp phần gây trở ngại cho công tác xét xử của Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào ý kiến trình bày của nguyên đơn chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn.

[7] Về tài sản chung và nợ: nguyên đơn khai không nợ ai, không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng; bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Thạch Thị Thu H xin ly hôn Anh Trần Minh N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 00067 quyển số 01/2003 đăng ký ngày 05/6/2003 do UBND Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Trần Minh T (sinh ngày 31/10/2005) cho Chị Thạch Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Minh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho Chị Thạch Thị Thu H mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Trần Minh N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với Chị Thạch Thị Thu H.

Anh Trần Minh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp Anh Trần Minh N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì Chị Thạch Thị Thu H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của Anh Trần Minh N.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: đương sự khai không có nợ, không yêu cầu Tòa giải quyết tài sản chung.

4. Án phí sơ thẩm:

- Chị Thạch Thị Thu H nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp (300000 đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027264 ngày 14/08/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Chị Thạch Thị Thu H đã nộp đủ án phí.

- Anh Trần Minh N nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND Phường 7, quận Gò Vấp;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- CCTHADS quận Gò Vấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hồ Thanh Bạch